

ÂN DỤ Ý NIỆM “BÃO” TRONG TIẾNG VIỆT ĐỐI CHIẾU VỚI “ARASHI” TRONG TIẾNG NHẬT NHÌN TỪ GÓC ĐỘ MIỀN NGUỒN

YUSHI KAWARAI - ĐOÀN THỊ QUỲ NGỌC
Khoa Ngữ văn, ĐH Sư Phạm

Tóm tắt: Bài báo tiếp cận ý niệm “bão” tiếng Việt trong sự đối chiếu với ý niệm “arashi” (bão) tiếng Nhật nhìn từ góc độ miền nguồn nhằm tìm ra nét tương đồng và khác biệt trong cách tư duy về thế giới của hai dân tộc. Trong đó, nét nghĩa “sự tàn phá” của bão trong tiếng Việt và nét nghĩa “sự biến động” của “arashi” trong tiếng Nhật được ánh xạ lên những miền ý niệm đích khác nhau. Kết quả của bài viết đã làm nổi bật bức tranh ngôn ngữ văn hóa tộc người riêng biệt của hai dân tộc Việt Nam và Nhật Bản.

Từ khóa: Ân dụ ý niệm bão

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngôn ngữ học tri nhận là một trường phái ngôn ngữ học hiện đại, chủ trương giải thích ngôn ngữ dưới dạng các ý niệm, tức nghiên cứu ngôn ngữ dựa trên kinh nghiệm sống và sự cảm thụ của con người về thế giới. Ân dụ ý niệm là một lý thuyết được tạo ra bởi trường phái này. Về khái niệm, ân dụ ý niệm là sự hình thành ý niệm mới dựa trên những phát hiện mang tính nghiệm thân của con người về thế giới khách quan. Cấu trúc của loại ân dụ này gồm có hai miền ý niệm: Miền ý niệm Nguồn (miền cụ thể) và miền ý niệm Đích (miền trừu tượng). Ở đó, người sử dụng ngôn ngữ thường dùng miền Nguồn để tìm và hiểu miền Đích. Bài báo này của chúng tôi chính là sự áp dụng lý thuyết ân dụ ý niệm để tìm hiểu vài nét về văn hóa của hai dân tộc Việt Nam và Nhật Bản.

Trong lời ăn tiếng nói ngày nay, chúng ta dễ dàng nhận thấy sự xuất hiện của những lối diễn đạt mang yếu tố “bão”. Chẳng hạn, trong tiếng Việt:

- “Sao Hàn nóng lòng tạo “bão Kpop” tại Hà Nội” (clip.vn)
- “Vàng tiếp tục đối mặt bão giảm giá” (kinhdoanh.vnexpress)

Hay trong tiếng Nhật, người Nhật cũng có những lối nói với “arashi”(có nghĩa là “bão”) như:

- “Sekai juu de fukyou no arashi” (Thế giới đang ở trong cơn bão suy thoái)

Xuất phát từ các hiện tượng ngôn từ nói trên, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ngữ liệu tiếng Việt có yếu tố “bão” nhìn từ góc độ miền nguồn trong sự so sánh đối chiếu với “arashi” trong tiếng Nhật, nhằm làm nổi rõ những nét tương đồng và khác biệt trong cách thức tư duy về hiện tượng thời tiết này của hai dân tộc.

2. ẪN DỤ Ý NIỆM “BÃO” TRONG TIẾNG VIỆT ĐỐI CHIẾU VỚI “ARASHI” TRONG TIẾNG NHẬT NHÌN TỪ GÓC ĐỘ MIỀN NGUỒN

2.1. Những thuộc tính của “bão” và “arashi” nhìn từ góc độ miền nguồn

Theo Từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê (2010) [1], chúng tôi thu được 9 từ ngữ chỉ “bão” với các dạng tồn tại cụ thể của nó như: bão, bão bùng, bão cát, bão đông, bão rút, bão táp, bão tố, bão tuyết, bão từ. Còn trong cuốn Từ điển tiếng Nhật Daijisen (2008) [2], có tất cả 14 từ ngữ chỉ “arashi” (bão), gồm: arashi (bão), ao arashi (bão xanh), asa arashi (bão buổi sáng), sayo arashi (bão đêm), ji arashi (bão đất), suna arashi (bão cát), hatsu arashi (bão đầu thu), haru arashi (bão đầu xuân), hana arashi (bão hoa), yama arashi (bão núi), yuu arashi (bão buổi tối), yuki arashi (bão tuyết), yo arashi (bão đêm), jiki arashi (bão từ). Sau khi phân tích cấu trúc thành tố nghĩa (Nguyễn Đức Tồn, 2010, [3]) ở hai cuốn từ điển nói trên, chúng tôi nhận thấy các tên gọi chỉ “bão” và “arashi” có nội hàm bao gồm hai thành tố ngữ nghĩa với những nét tương đồng và khác biệt được khái quát theo hai bảng dưới đây:

Bảng 1. Các thành tố nghĩa chỉ “bão”

Thành tố I	Thành tố II
- Gió xoáy trong phạm vi rộng. - Có sức phá hoại dữ dội	- Cảnh gian nan đầy thử thách hay sự việc diễn ra dữ dội, mãnh liệt

Bảng 2. Các thành tố nghĩa chỉ “arashi”

Thành tố I	Thành tố II
- Gió mạnh trong phạm vi rộng - Vào những thời điểm nhất định	- Gây nên sự nhiễu loạn và biến động

2.2. Cơ sở kinh nghiệm của hai dân tộc và sự lựa chọn thuộc tính diễn đạt của ý niệm “bão” và “arashi” trong miền nguồn

2.2.1. Trường từ vựng chỉ “bão” trong tiếng Việt và cơ sở kinh nghiệm của người Việt

Theo định nghĩa trong Từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê (2010) [1], có thể phân loại các từ ngữ chỉ “bão” vào hai nhóm thành tố:

a. Nhóm thành tố I:

Bão: Gió xoáy trong phạm vi rộng trong một vùng có áp suất không khí giảm xuống rất thấp, thường phát sinh từ biển khơi do gió lớn, mưa to. Ở mục từ bão còn có các từ ngữ như bão bùng và bão rút.

- Bão tuyết: bão cuốn theo tuyết, thường xảy ra ở vùng hàn đới.

Ngoài ra, còn có bão cát và bão từ.

b. Nhóm thành tố II:

- Bão dông – dông bão: thường dùng để ví những gian nan, thử thách hoặc sự việc xảy ra dữ dội, mãnh liệt: dông bão của cuộc đời, trong nhà đã xảy ra dông bão, bão dông.
- Bão táp: bão lớn, dữ dội, thường dùng để ví cảnh gian nan đầy thử thách hoặc sự việc xảy ra dữ dội mãnh liệt: phong ba bão táp, bão táp cách mạng,
- Bão tố: như bão táp, cuộc đời đầy bão tố

Có thể thấy, nét nghĩa “tàn phá” là nét nghĩa cơ sở trong nội hàm ý nghĩa của các từ ngữ chỉ bão thuộc hai nhóm thành tố I và II. Dù cho “bão” có tồn tại ở dạng nào đi nữa thì đặc tính phá hoại dữ dội, mãnh liệt của nó vẫn không thay đổi trong sự tri nhận của người Việt về các hiện tượng liên quan đến bão. Mặt khác, nhận thức này còn có cơ sở từ thực tế, với người Việt, sức gió trên 63km/h mới được gọi là “bão”.

2.2.2. Trường từ vựng chỉ “arashi” trong tiếng Nhật và cơ sở kinh nghiệm của người Nhật

Trong cuốn Từ điển tiếng Nhật có tên Daijisen (2008), [2], các từ ngữ có yếu tố “arashi” có thể được xếp vào hai nhóm thành tố, tạm dịch sang tiếng Việt như sau:

a. Nhóm thành tố I:

Arashi: Bão: Gió mạnh trên phạm vi rộng, diễn ra vào những thời điểm nhất định, gây nên sự nhiễu loạn hoặc có sức tàn phá dữ dội. Ở mục từ “arashi”, còn có các từ ngữ như: arashi (bão), asa arashi (bão buổi sáng), sayo arashi (bão đêm), ji arashi (bão đất), hatsu arashi (bão đầu thu), haru arashi (bão đầu xuân), yama arashi (bão núi), yuu arashi (bão buổi tối), yo arashi (bão đêm)

b. Nhóm thành tố II gồm có ao arashi (bão xanh), hana arashi (bão hoa), yuki arashi (bão tuyết), suna arashi (bão cát) và jiki arashi (bão từ).

Nhìn bao quát, trong nội hàm ý nghĩa của các từ ngữ chỉ “arashi” ở nhóm I và II luôn luôn hiện diện đặc trưng “biến động”. Theo người Nhật, gió đi với vận tốc trên 34 km/h được gọi là “arashi”. Điều này cho thấy, mức độ của “arashi” của người Nhật có phần nhẹ hơn so với “bão” của người Việt, chính vì thế “arashi” chỉ dừng ở mức gây ra biến động.

2.3. Sự ánh xạ từ miền nguồn “bão” đến một số miền đích trong tiếng Việt đối chiếu với tiếng Nhật

2.3.1. Cuộc đời người là bão

Con người ngay từ buổi sơ khai đã phải đối đầu với những tác động của thời tiết nói chung và bão nói riêng. Với người Việt, “bão” là một hiện tượng gây ra nhiều tổn thất, khó khăn và biến đổi dữ dội cuộc sống thường nhật của họ. Chính từ sự trải nghiệm này, người Việt nhìn tất cả những gian nan, thử thách làm biến đổi mãnh liệt cuộc đời của họ đều tồn tại dưới dạng thức của “bão”. Chẳng hạn, để đề cập đến những biến cố lớn, người ta có lối diễn đạt như sau:

- “Hugo Chavez – Một đời **bão táp**” (vnexpress.net)
- “Cuộc đời **bão tố** của Hoa hậu Việt Nam đầu tiên” (hn.24h.com.vn)
- Ngoài ra, kết hợp “bão” với “đông” cũng cho chúng ta ẩn dụ về cuộc đời con người với những gian truân và sự việc xảy ra dữ dội, mãnh liệt:
- “Chàng trai vượt qua **bão đông** cuộc đời” (dantri.com.vn)

Đối chiếu với tiếng Nhật, chúng ta có cụm thành ngữ “hana ni arashi” (hoa trước bão). Ở đây, thuộc tính gây ra biến động của “arashi” được chọn làm thuộc tính điển dạng ở miền nguồn để phóng chiếu ánh xạ lên miền đích “Cuộc đời”. Hoa vốn tượng trưng cho cái đẹp, cái mỏng manh hay tất cả những gì tốt đẹp kể cả con người. Với hình ảnh hoa trước bão, người Nhật quan niệm rằng, cái đẹp thường bị quấy rối, phá hoại hay người đẹp thường phải đối mặt với nhiều gian nan, thử thách trong cuộc đời. Vậy nên, chúng ta có ẩn dụ ý niệm: Sự biến động của cuộc đời là bão.

2.3.2. Con người gây ra/tạo ra sự phá hoại/ sự biến động/nhiều loạn là con người gây ra/tạo ra bão

Với ẩn dụ này, con người được xem như một tác nhân gây ra sự phá hoại, nhiễu loạn. Trong thực tế, con người với hoạt động sống của mình đã gây ra những biến đổi khí hậu tiêu cực, chẳng hạn như làm tăng nhiệt độ của Trái Đất. Như vậy, chính bản thân con người cũng có thể gây ra những thảm cảnh. Trong lời nói hàng ngày của người Việt và trên các phương tiện truyền thông đại chúng, chúng ta dễ dàng bắt gặp những lối diễn đạt như sau:

- “Bà Tung còn là tác giả của rất nhiều phát ngôn thách thức và “**gây bão**” dư luận.” (baohay.vn)
- “Tiền trường **tạo bão tố** trên Internet” (vietbao.vn)
- “Thế nhưng sự việc chỉ đến cao trào khi nam ca sĩ "lãnh" lời phê “chát” nhất – Mr. Đàm lên tiếng, bằng cả một bức tâm thư chất vấn vị tiền bối thân thiết, và ám chỉ ông là **ngụy quân tử**. Phản ứng dữ dội này khiến dư luận từ “dậy sóng” chính thức chuyển thành “**nổi bão**.” (kenh14.vn)

Hành động “tạo bão tố”, “gây bão” hay làm “nổi bão” của nhân vật trong các bài báo trên đây được hiểu là hành động tạo ra xi căng đan có sức tác động mạnh đến nhận thức của quần chúng. Tính chất phá hoại của nó biểu hiện thông qua sự biến đổi dư luận theo chiều hướng căng thẳng và tiêu cực.

Còn trong tiếng Nhật, người Nhật cũng có cách nói với ẩn dụ này, ví dụ:

- “Arashi wo yobu” (Tôi đã gọi một cơn bão)

Câu nói này có nghĩa chính “tôi” là người gây ra sự biến động, tôi là người đã kích hoạt cho những rắc rối nhiễu loạn, gây phiền phức cho những người khác.

2.3.3. Chiến tranh là bão

Chiến tranh là một sự kiện xảy ra dữ dội và mãnh liệt nhất trong tất cả mọi sự kiện của đời sống con người. Chiến tranh gây ra những biến động lớn, làm xáo trộn đời sống vật chất và tinh thần của con người, dẫn đến nhiều sự chết chóc đau thương, mất mát. Chính vì vậy, trong tiềm thức của con người, chiến tranh cũng có sức tàn phá khốc liệt như hiện tượng “bão” của thời tiết. Là hai dân tộc từng trải qua nhiều thiên tai địch họa, người Việt và người Nhật đã có những cách diễn đạt với yếu tố “bão” từ góc độ miền nguồn ánh xạ qua miền đích Chiến tranh hết sức tự nhiên. Ví dụ, trong tiếng Việt:

- “Mưa bom bão đạn” (thành ngữ)
- “Mưa bom bão đạn rung chuyển thủ đô Syria” (vnmedia.vn)
- “Châu Á sẽ bình yên hay bão tố?” (sgtt.vn)

Trong cụm từ cố định “mưa bom bão đạn”, “bão” là ẩn dụ cho mật độ bom đạn trút xuống dày đặc, có sức tàn phá khốc liệt trên phạm vi lớn.

Hay trong tiếng Nhật, cũng có một lối nói tương tự:

- “Ajia de senran no arashi ga fuki hajimeta” (Những cơn bão chiến tranh đã bắt đầu ở Châu Á)

Trong quan niệm của người Nhật, “arashi” ngoài ý nghĩa biến động còn là biểu tượng cho sự phá hoại. Thế nên, khi dùng cụm từ “senran no arashi” (bão chiến tranh), người Nhật không chỉ nói đến những biến động về quân sự, chính trị của một đất nước mà còn muốn ám chỉ đến tính chất tàn khốc và tính liên tục của các cuộc chiến. Ở điểm này, sự ý niệm hóa yếu tố “bão” của hai dân tộc có sự giao nhau.

2.3.4. Kinh tế là bão

Ở bất kỳ xã hội nào đi nữa, lĩnh vực kinh tế luôn nằm trong sự quan tâm của tất cả các tộc người. Tuy nhiên, hoạt động kinh tế không phải lúc nào cũng bằng phẳng, suôn sẻ mà đôi lúc biến động, ảnh hưởng lớn đến đời sống của con người. Những biến động trong nền kinh tế có tác hại đến hoạt động sống hay sự tồn tại của con người đã khiến người sử dụng ngôn ngữ liên tưởng đến ý niệm “bão” của thời tiết nhờ những thuộc tính gần giống nhau giữa chúng. Khảo sát vùng ngữ liệu tiếng Việt, chúng tôi tìm thấy những ví dụ sau:

- “Những mẹo tiết kiệm chi tiêu thời bão giá” (xinhxinh.com.vn)
- “Con bão mới trên thị trường xăng dầu thế giới” (vneconomy.vn)

“Bão” trong kinh tế là sự biến động về giá cả trên thị trường. Cụ thể, “bão giá” là hiện tượng giá cả tăng lên mạnh, có tác động lớn, làm cho đời sống của người dân ngày càng khó khăn. Còn “con bão mới” trong ví dụ trên hàm ý đến sự tăng mạnh và đột biến giá xăng dầu trên thị trường thế giới. Cùng nói về kinh tế, người Nhật tạo ẩn dụ với từ “arashi” (bão) như trong câu dưới đây:

- “Sekai juu de fukyou no arashi” (Thế giới đang ở trong cơn bão suy thoái kinh tế)

Ở đây, “fukyou no arashi” (cơn bão suy thoái) nhằm diễn tả trạng thái thụt lùi, suy yếu của nền kinh tế diễn ra với mức độ mạnh, đồng loạt và trên diện rộng, có hàm ý nền kinh tế đang bị nhiễu loạn, bị biến động và gặp nhiều khó khăn.

2.3.5. Hiểm họa/sự biến động/hậu quả khôn lường là bão

Ngoài sự tương ứng với các miền đích trên đây, ngữ liệu được tìm thấy trong ngôn ngữ Việt-Nhật còn biểu hiện rằng, miền nguồn “bão” hay “arashi” còn có thể được ánh xạ lên miền đích chỉ “Hiểm họa/sự phá hoại/hậu quả khôn lường. Trong tiếng Việt, chúng ta có thành ngữ:

- “Gieo gió gặt bão”

Kết hợp với hiện tượng “gió”, câu thành ngữ đưa ra một biểu thức nhân quả. Gió ban đầu là luồng không khí chuyển động nhẹ nhưng càng về sau càng thổi mạnh, gió có thể biến thành bão. Chính vì vậy, gió được xem là yếu tố tiềm ẩn hiểm họa và bão là hậu quả khôn lường. Theo đó, câu thành ngữ có ý nghĩa, người làm điều ác sẽ gặt lấy hậu quả khôn lường về sau. Trong trường hợp này, chúng ta có ẩn dụ “Hậu quả khôn lường là bão”.

Mặt khác, trong ngữ liệu tiếng Nhật, chúng tôi tìm thấy những ẩn dụ sau:

- “Arashi no mae no shizukesa” (Sự yên tĩnh trước bão)
- “Yahan no arashi” (Bão nửa đêm)

Ở cụm thành ngữ “arashi no mae no shizukesa”, người Nhật quan niệm “arashi” (bão) như một hiểm họa nên không khí yên tĩnh trước bão là hiện tượng bất thường. Vì vậy, ở cụm thành ngữ này, chúng ta có ẩn dụ “Hiểm họa là bão”. Còn với “yahan no arashi” (bão nửa đêm), “arashi” không chỉ là một hiểm họa mà còn là sự biến động. Mức độ biến đổi vạn vật nhanh chóng của bão là cơ sở kinh nghiệm nền tảng để người Nhật xây dựng nên ẩn dụ ý niệm “yahan no arashi” với ý nghĩa: mọi thứ biến đổi nhanh chóng chỉ trong một thời gian ngắn.

2.3.6. Cái đẹp là bão

Trong khi với người Việt, “bão” chỉ mang nét nghĩa tiêu cực chỉ sự tàn phá, thì với người Nhật, “arashi” ngoài ý nghĩa tiêu cực gây ra sự biến động còn mang ý nghĩa tích cực. Ví dụ:

- “Hana arashi” (bão hoa)
- “Ao arashi” (bão xanh)

“Arashi” trong những trường hợp này hàm chỉ cái đẹp. Xuất phát từ nền văn hóa tôn trọng tự nhiên và yêu thiên nhiên, người Nhật xem việc thưởng thức thiên nhiên là một nhu cầu có tính cộng đồng. Ước vọng sống hài hòa với thiên nhiên cũng thể hiện rõ nét trong việc chú trọng đến bước giao chuyển giữa các mùa trong năm và động thái của tự nhiên. Chính vì vậy, khi nhìn thấy hiện tượng gió thổi làm rung hàng loạt chiếc lá xanh

non, người Nhật đã tinh tế nhìn thấy sự tác động đồng đều ấy và gọi đó là “ao arashi”, tức “bão xanh”. Bên cạnh đó, chúng ta cũng có “hana arashi”- bão hoa. “Hana” (hoa) ở đây nhằm chỉ đến hoa anh đào (sakura), là loài hoa gắn bó khá mật thiết với truyền thống văn hóa của người Nhật. Hiện tượng bão hoa “hana arashi” bắt nguồn từ thực tế quan sát của dân tộc Nhật Bản. Dưới sự tác động của gió, hoa anh đào rơi rất nhiều. Thế nên, quang cảnh đẹp và nên thơ này đã được người Nhật gọi là “hana arashi”-bão hoa với yếu tố “arashi”- bão cũng cho ta ý nghĩa: hoa anh đào bị xáo trộn, biến động vì luồng gió mạnh. Từ đây, có thể thấy rằng, mặc dù sống trong cùng một hiện thực khách quan nhưng sự phân cắt trong cái nhìn thế giới của người Việt và người Nhật có những điểm khác biệt thú vị bên cạnh những điểm tương đồng. Chính những điểm khác biệt ấy đã làm nên bức tranh văn hóa tộc người đặc thù cho cả hai dân tộc.

3. KẾT LUẬN

Qua các ẩn dụ ý niệm được đưa ra phân tích và so sánh đối chiếu trên đây, chúng tôi đã làm nổi rõ những tương đồng và khác biệt trong quan niệm của người Việt về “bão” với quan niệm của người Nhật về “arashi”. Với người Nhật, “arashi” (bão) vừa mang ý nghĩa tiêu cực chỉ sự biến động vừa mang ý nghĩa tích cực chỉ cái đẹp, còn với người Việt, “bão” chỉ mang ý nghĩa tiêu cực chỉ sự tàn phá. Ngoài ra, với việc tìm hiểu “Ẩn dụ ý niệm “bão” trong tiếng Việt đối chiếu với tiếng Nhật nhìn từ góc độ miền nguồn”, bài viết đã làm nổi bật bức tranh ngôn ngữ văn hóa tộc người riêng biệt của hai dân tộc Việt và Nhật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Phê (2010). *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- [2] Nhóm tác giả (2008). *Daijisen (Từ điển tiếng Nhật)*, Tokyo.
- [3] Nguyễn Đức Tồn (2010). *Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, NXB Từ điển Bách khoa.

Title: THE CONCEPTUAL METAPHORS OF STORM IN VIETNAMESE CONTRASTING WITH THOSE OF STORM IN JAPANESE FROM THE SOURCE DOMAIN PERSPECTIVE

Abstract: The article approaches the concept of storm in Vietnamese contrasting with those of storm, called “arashi” in Japanese from the source domain perspective in order to find out the similarities and the differences in the way that the two people think about this phenomenon of weather. In this topic, the property “destruction” in Vietnamese and the one “change dramatically” in Japanese can be mapped onto various target domains. The result of this article emphasizes the distinctive picture of ethnic and culture of the two people Vietnamese and Japanese.

Keywords: The conceptual metaphors of storm

YUSHI KAWARAI

SV lớp Tiếng Việt cho người nước ngoài, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư Phạm – ĐH Huế

ĐOÀN THỊ QUÝ NGỌC

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư Phạm – Đại học Huế